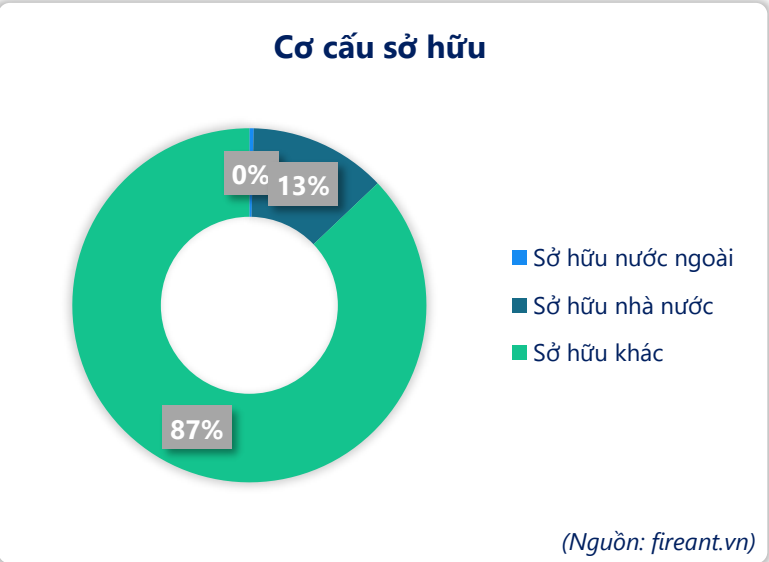
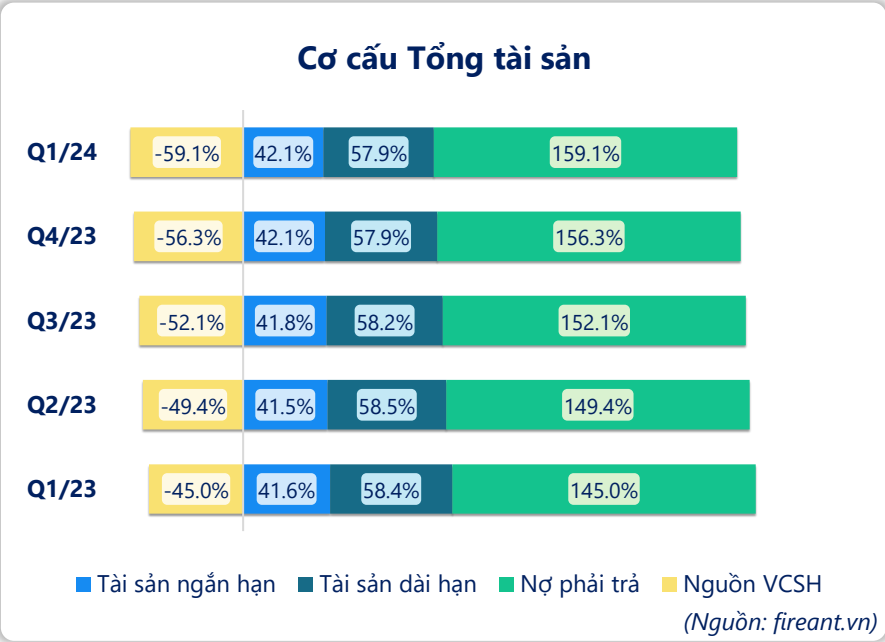
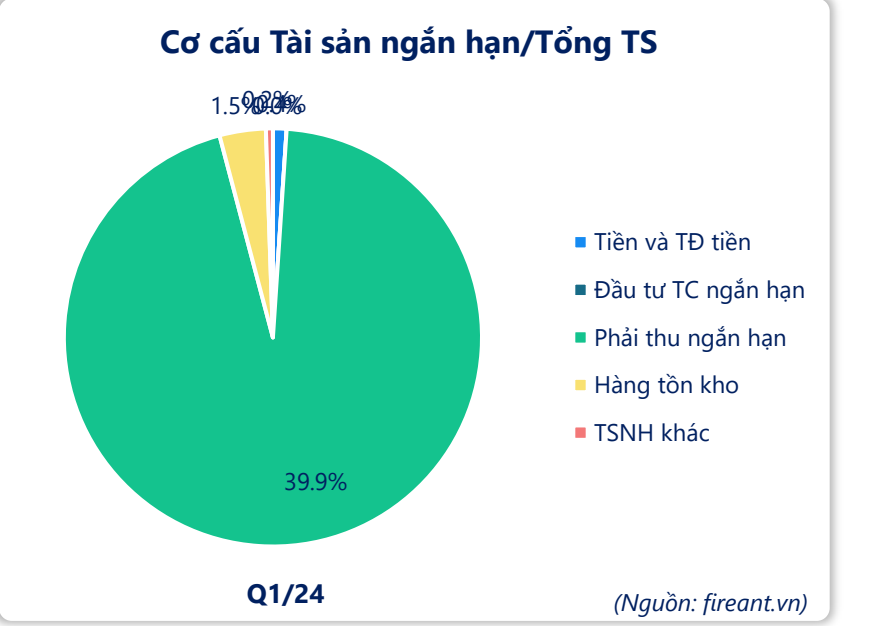
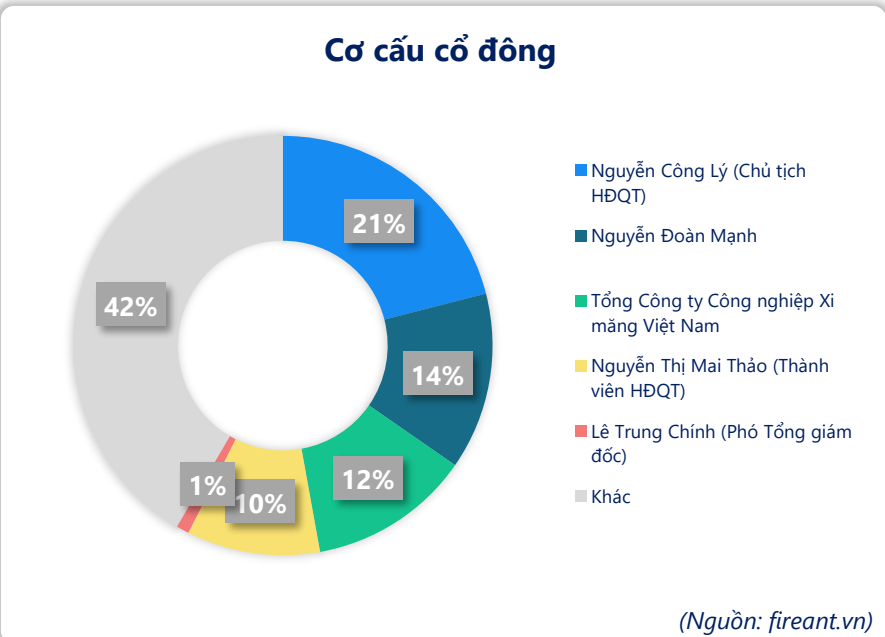
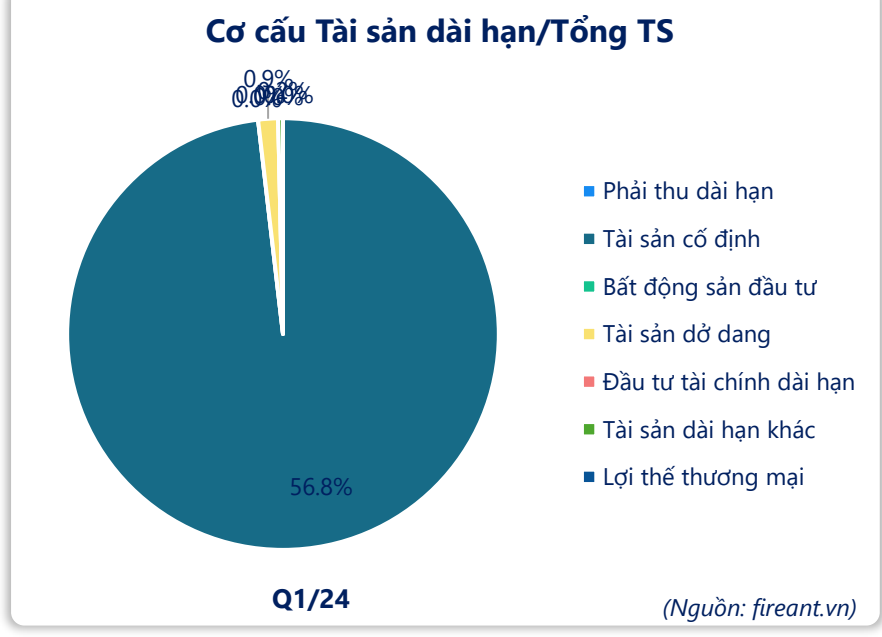
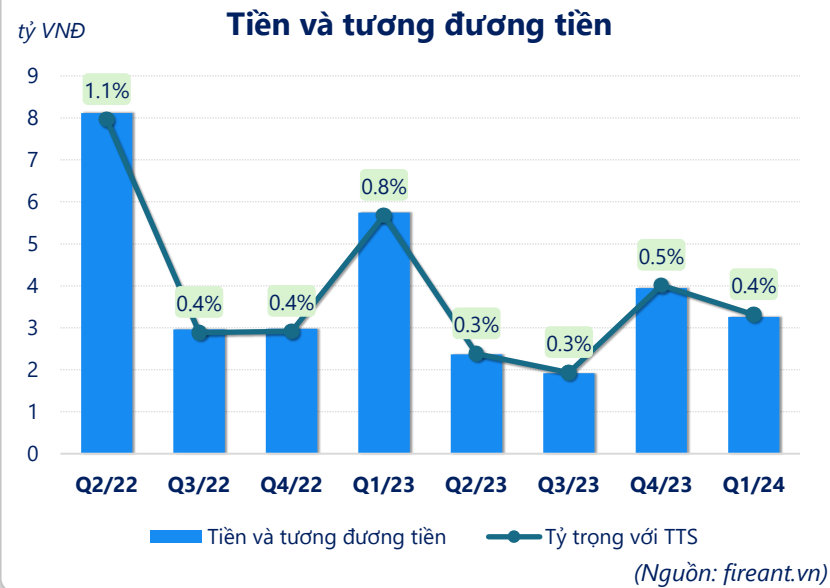
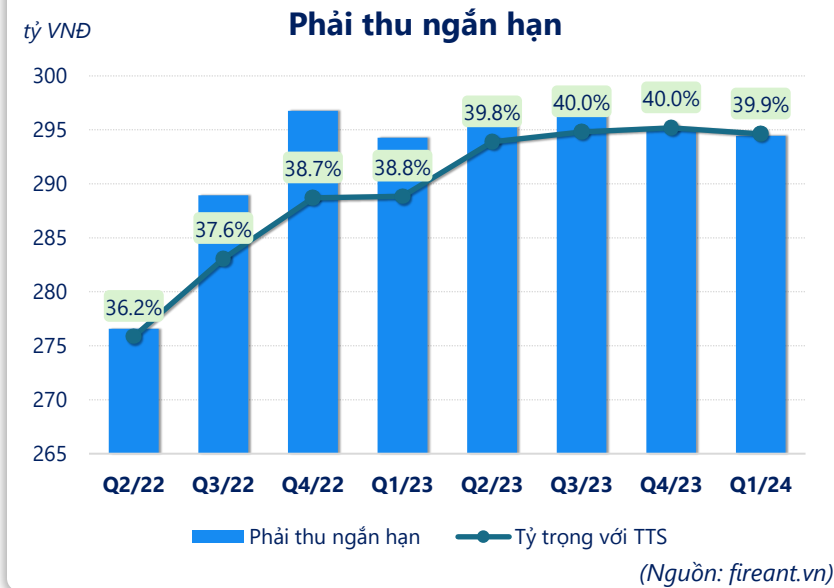
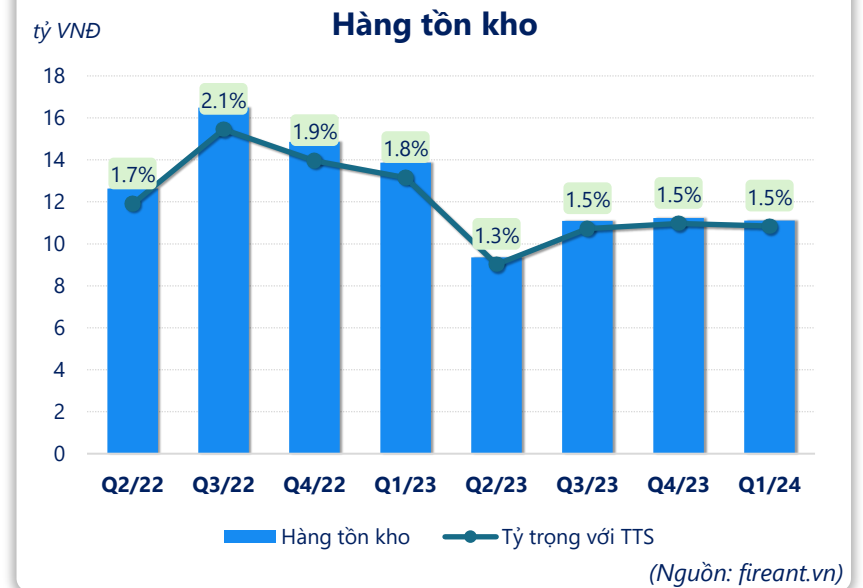
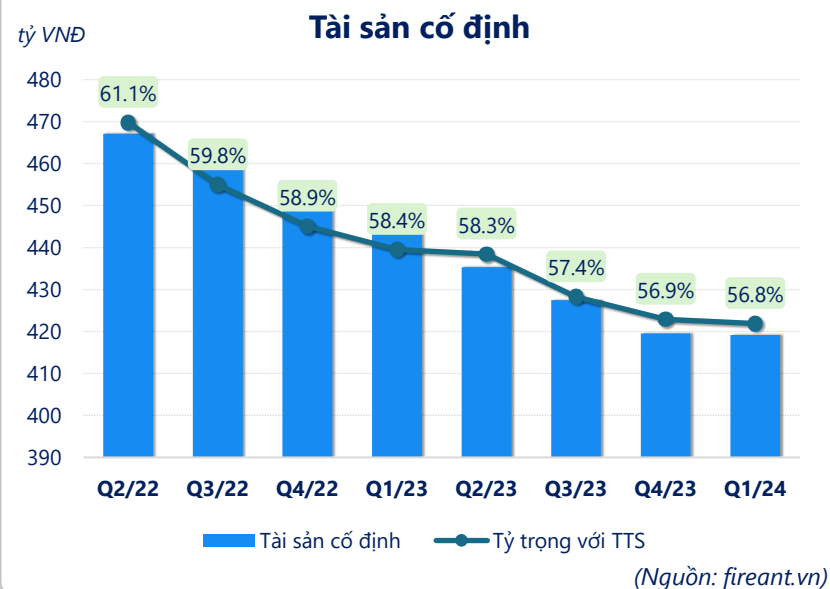
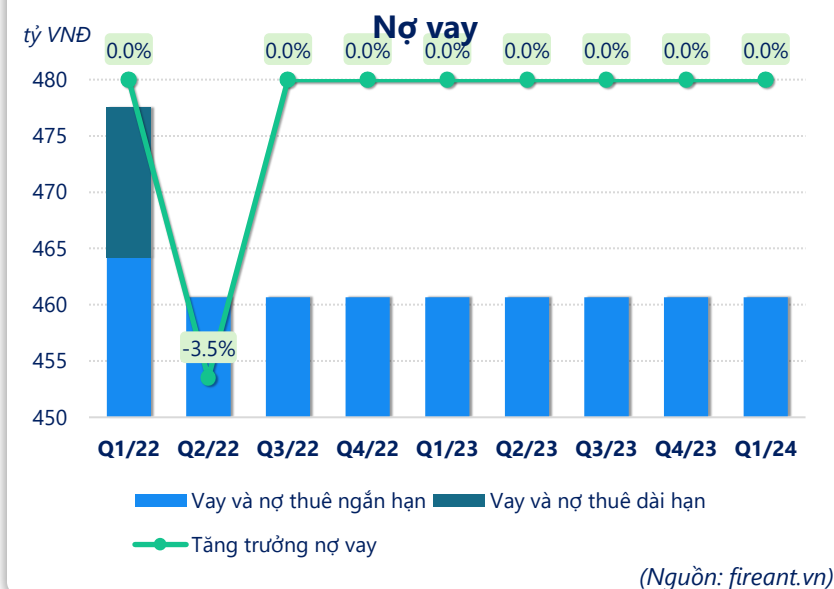
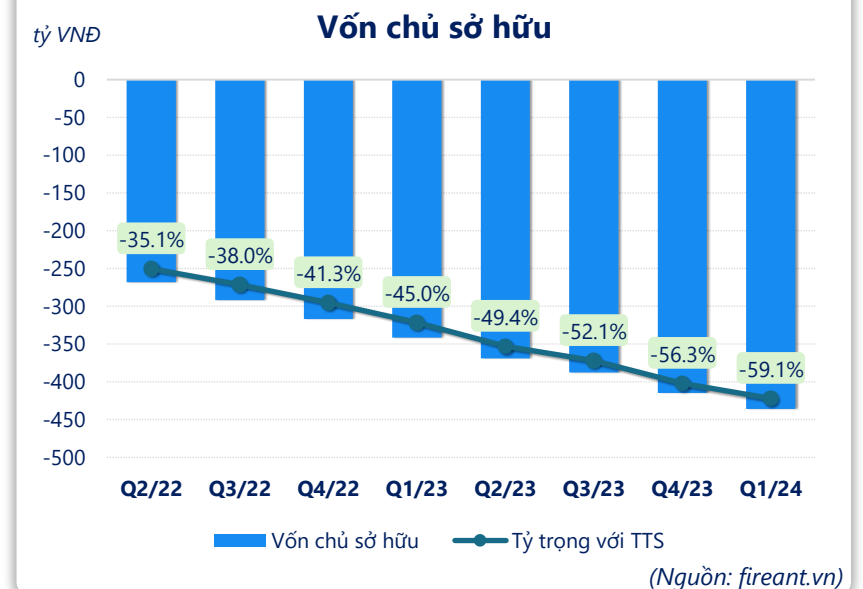
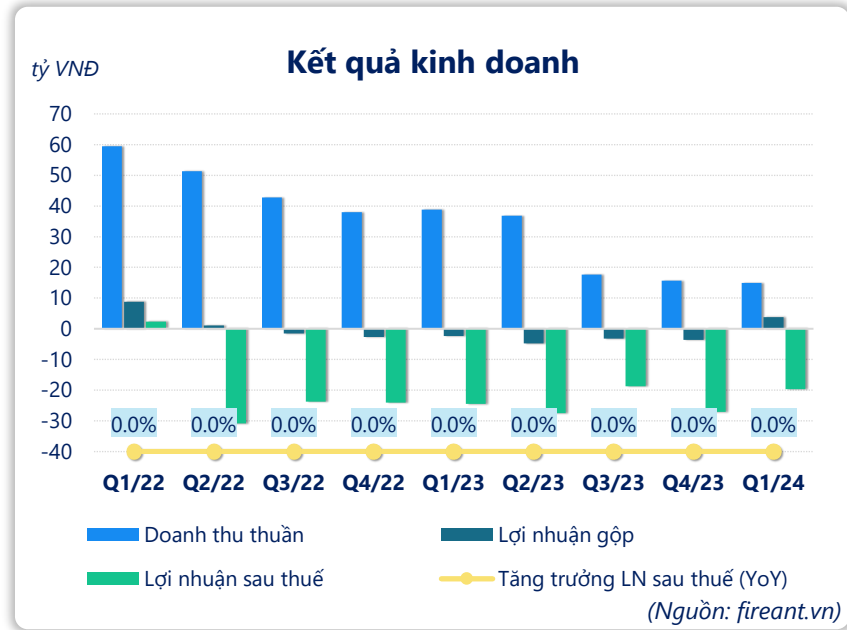
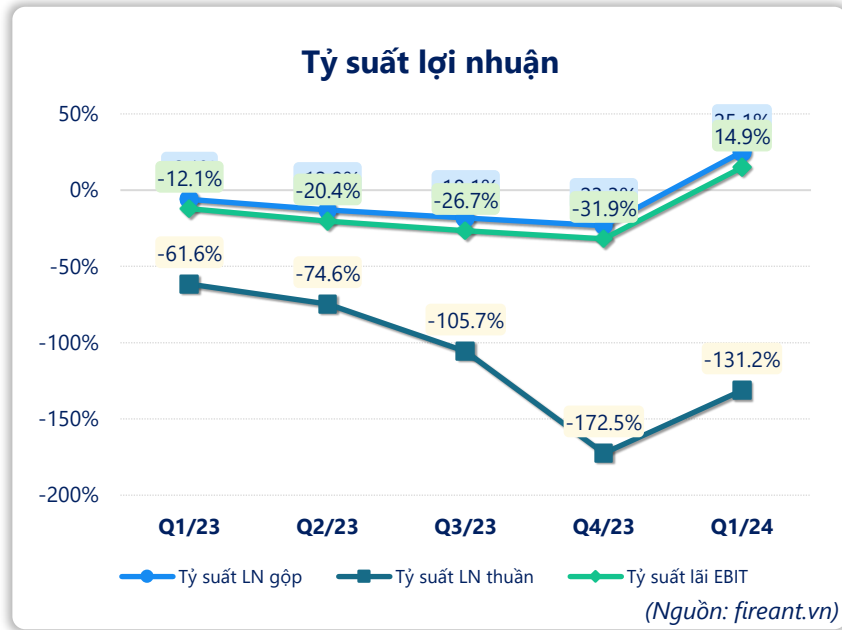
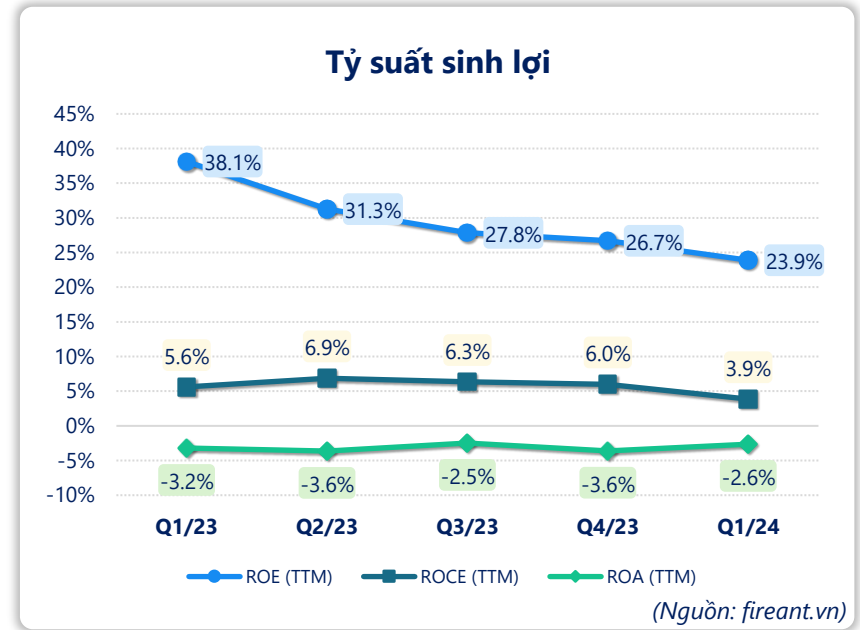
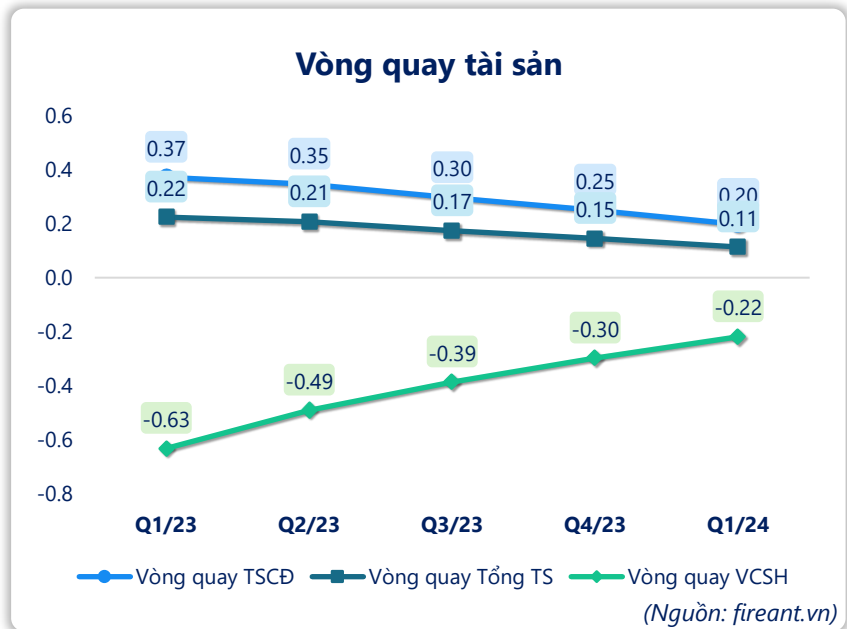
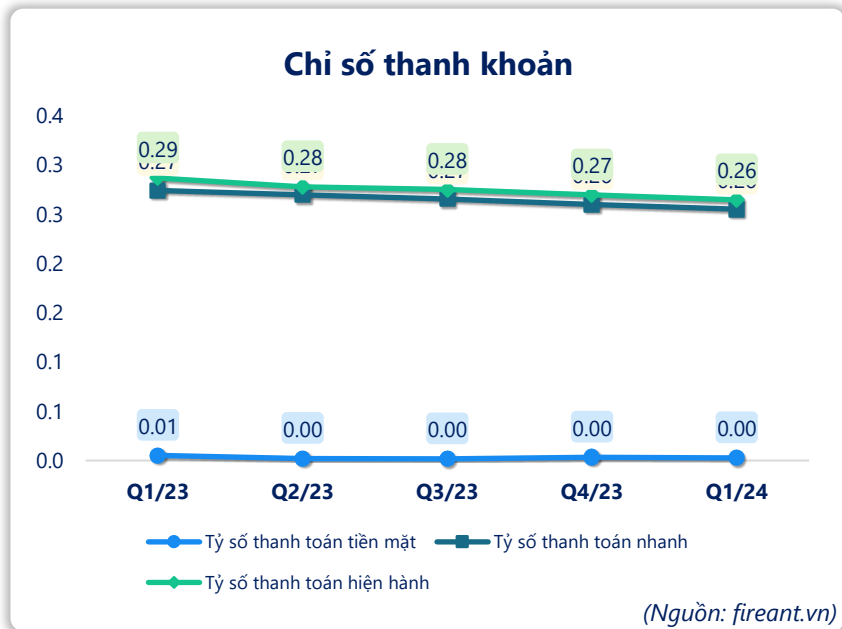
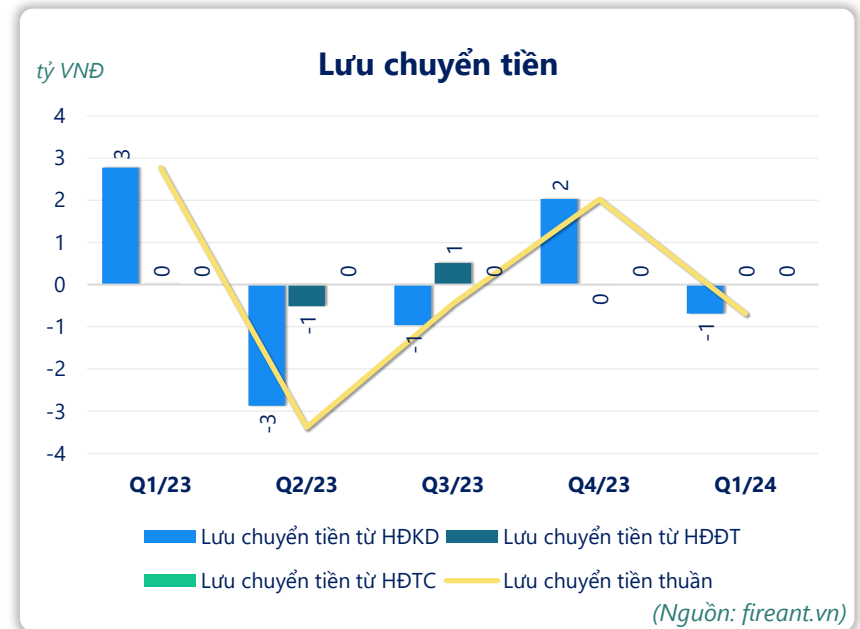


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		500
SL cổ phiếu LH		27,223,647
KLGD BQ 20 phiên (CP)		17,115
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		22
P/E		-0.2
EPS		-3,411

	YTD	1T	3T	6T
DCT	33.3%	14.3%	14.3%	14.3%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	738	736	0.3%
Tài sản ngắn hạn	310	309	0.4%
Tiền và tương đương tiền	3.26	3.94	-17.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	294	294	0.2%
Hàng tồn kho	11.1	11.2	-1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.67	0.27	511%
Tài sản dài hạn	427	426	0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	419	420	-0.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.36	5.32	19.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.52	1.63	-6.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,173	1,152	1.9%
Nợ ngắn hạn	1,173	1,152	1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	461	461	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	44.8	43.5	2.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-436	-416	-4.7%
Vốn chủ sở hữu	-436	-416	-4.7%
Vốn điều lệ	272	272	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	38.8	36.9	17.7	15.7	14.9
Giá vốn hàng bán	41.2	41.6	20.9	19.3	11.2
Lợi nhuận gộp	-2.36	-4.75	-3.21	-3.65	3.75
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	19.7	19.9	14.0	22.1	21.8
Chi phí lãi vay	19.7	19.9	14.0	22.1	21.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.63	0.51	0.31	0.49	0.24
Chi phí QLDN	1.22	2.34	1.17	0.80	1.27
LN thuần từ HĐKD	-23.9	-27.5	-18.7	-27.0	-19.6
Lợi nhuận khác	-0.50	0.07	-0.04	-0.05	-0.02
LN trước thuế	-24.4	-27.4	-18.7	-27.1	-19.6
Lợi nhuận sau thuế	-24.4	-27.4	-18.7	-27.1	-19.6
LNST của CĐ cty mẹ	-24.4	-27.4	-18.7	-27.1	-19.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.77	-2.87	-0.96	2.03	-0.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.51	0.51	-0.01	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.98	5.74	2.37	1.92	3.94
Lưu chuyển tiền thuần	2.77	-3.38	-0.45	2.02	-0.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.74	2.37	1.92	3.94	3.26

(Nguồn: fireant.vn)